TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 902/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Huy Hoàng**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 577/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 558/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ông Nguyễn Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị C bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2001, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/4/2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, bình thường, không có gì xảy ra đến năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn có thể hàn gắn được nữa, ông T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: Ông T và bà C có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 18/5/2013. Hiện trẻ H đang sống chung với bà C, ông T đồng ý giao trẻ H cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2001, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/4/2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, bình thường, không có gì xảy ra đến năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay đối với yêu cầu ly hôn của ông T thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 18/5/2013. Hiện trẻ H đang sống chung với bà C, bà C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ H và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị C. Về con

chung tên Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 18/5/2013. Giao trẻ H cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T. Về tài sản chung: Ông T và bà C yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông T và bà C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn T nộp đơn xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị C. Bà C cư trú tại huyện Bình Chánh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, và Cao theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2001, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng".

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[5] Xét thấy ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà C mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

[6] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 18/5/2013. Hiện trẻ H đang sống chung với bà C, sau khi ly hôn, ông T đồng ý giao trẻ H cho bà C tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà C cũng yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng trẻ H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 18/5/2013 cho bà C tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị C.

Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 4 năm 2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 18/5/2013. Giao trẻ Nguyễn Thúy H, sinh ngày: 18/5/2013 cho bà Nguyễn Thị C tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0019947 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, ông T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định